

Bản án số: **758/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 12 - 6 - 2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Thu Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Ông Trần Văn Triều

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Lê Ninh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.**

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 590/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2565/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Phạm Nguyệt A, sinh năm 1994

Địa chỉ: MB R2N 1R9 Canada.

*Bị đơn:* Ông Đoàn Quang S, sinh năm 1987

Địa chỉ: phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nguyên đơn là bà Phạm Nguyệt A trình bày:

Bà Phạm Nguyệt A và ông Đoàn Quang S tự nguyện kết hôn vào ngày 04/5/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 51. Sau khi kết hôn ông bà chung sống với nhau được một năm hạnh phúc. Sau đó bà A đi du học ở Canada, ông bà liên lạc qua internet tuy không thường xuyên. Đến tháng 9/2018, ông bà phát sinh mâu thuẫn do bà cho rằng ông S có tình cảm với người khác trong thời gian bà ở nước ngoài. Bà A đã rất đau buồn và cảm thấy hai người không thể cùng nhau tiếp tục cuộc hôn nhân này nữa. Từ đó về sau tình cảm vợ chồng phai nhạt, bà

không còn yêu thương ông S nữa nên dù ông S có liên lạc và đề nghị bà suy nghĩ lại thì bà vẫn kiên quyết ly hôn. Thêm vào đó, bà có dự định tìm công việc ở Canada sau khi học xong và có cuộc sống ổn định ở đây trong khi ông S sống ở Việt Nam nên khả năng đoàn tụ gia đình là không có. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, có hàn gắn cũng không còn ý nghĩa nữa nên bà Phạm Nguyệt A xin được ly hôn với ông Đoàn Quang S.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của ông Đoàn Quang S tại các bản tự khai:

Ông Đoàn Quang S và bà Phạm Nguyệt A tự nguyện kết hôn vào ngày 04/5/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 51. Sau khi kết hôn, ông bà có cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Vì tương lai nên ông đã đồng ý và hỗ trợ hết mình để vợ ông đi du học ở Canada, ông rất thương vợ nên muốn vợ ông có cơ hội phát triển sự nghiệp hơn nữa. Đến tháng 8/2017, vợ ông S đi du học ở Canada. Ông vẫn thường xuyên nhắn tin, gọi điện động viên, khích lệ tinh thần vợ ông. Tháng 5/2018 vợ ông có về Việt Nam trong một tháng, hai vợ chồng ông vẫn chung sống hạnh phúc. Tháng 6/2018, bà A quay lại Canada tiếp tục việc học. Tuy nhiên đến 12/2018 bà A nhắn tin đề nghị chấm dứt mối quan hệ khiến ông rất bất ngờ. Ông đã đề nghị sự giúp đỡ từ phía gia đình bên vợ để tìm hiểu nguyên nhân nhưng vợ ông vẫn kiên quyết ly hôn.

Sau một thời gian suy nghĩ, ông khẳng định ông vẫn còn thương yêu vợ ông và ông vẫn mong vợ ông hiểu tình cảm của ông. Tuy nhiên vì bà A vẫn kiên quyết muốn ly hôn nên ông thấy nếu ông không đem lại hạnh phúc cho vợ ông thì ông đồng ý ly hôn để bà A có thể có cuộc sống hạnh phúc như bà mong muốn. Do đó, ông đồng ý ly hôn với bà Phạm Nguyệt A.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bà Phạm Nguyệt A và ông Đoàn Quang S đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Phạm Nguyệt A đang cư trú tại Canada có đơn xin ly hôn với ông Đoàn Quang S hiện đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Phạm Nguyệt A và ông Đoàn Quang S tham gia phiên tòa vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 12/6/2020 nhưng bà Phạm Nguyệt A và ông Đoàn Quang S cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Phạm Nguyệt A và ông Đoàn Quang S có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 51 vào ngày 04/5/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Phạm Nguyệt A và ông Đoàn Quang S trình bày thì ông bà đã chung sống hạnh phúc sau khi kết hôn, từ khi bà A đi du học thì phát sinh mâu thuẫn. Bà A cho rằng tình cảm vợ chồng bị phai nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nhưng ông S trình bày ông vẫn còn yêu thương vợ. Sau khi ông S có ý kiến yêu cầu được đoàn tụ gia đình thì bà A có văn bản thể hiện bà vẫn kiên quyết xin ly hôn. Về phía ông S xác định nếu việc ly hôn giúp bà A hạnh phúc hơn thì ông đồng ý nên đã đi đến quyết định cuối cùng là đồng ý ly hôn. Xét thấy bà A và ông S thuận tình ly hôn nên yêu cầu của bà Phạm Nguyệt A khởi kiện xin ly hôn với ông Đoàn Quang S là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Phạm Nguyệt A phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Nguyệt A và ông Đoàn Quang S có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 262, Điều 266, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Nguyệt A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Nguyệt A được ly hôn với ông Đoàn Quang S.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Phạm Nguyệt A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Phạm Nguyệt A đã nộp theo biên lai thu tạm tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0024778 ngày 23/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Nguyệt A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Đoàn Quang S được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bà Phạm Nguyệt A có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND Phường M, Quận X, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP (T/18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thu Phương**